TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thưởng;

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng Â, sinh năm 1989 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố A, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Tăng Trung M, sinh năm 1987. (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố A, phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh

Ông Tăng Trung M hiện đang chấp hành án tại: P - Trại Giam M - Cục C - Bộ C1. Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 10/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Â trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng Â và ông Tăng Trung M tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, ông Tăng Trung M không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay.

Nay bà Nguyễn Thị Hồng Â yêu cầu được ly hôn với ông Tăng Trung M.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Â và ông Tăng Trung M có 02 con chung tên Tăng Nguyễn Hào N, sinh ngày 24/9/2008 và Tăng Yến N1, sinh ngày 08/01/2013, hiện 02 con chung đang sống với bà Nguyễn Thị Hồng Â. Khi ly hôn con chung bà Nguyễn Thị Hồng Â yêu cầu nuôi, không yêu cầu ông Tăng Trung M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại tờ tự khai ngày 08/5/2024, bị đơn ông Tăng Trung M trình bày: Ông Tăng Trung M thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hồng Â về quan hệ hôn nhân và con chung. Nhưng ông Tăng Trung M và bà Nguyễn Thị Hồng Â không có mâu thuẫn gì. Nay ông Tăng Trung M không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng Â vì ông Tăng Trung M còn thương vợ, thương con. Nếu Tòa án cho ly hôn, con chung ông Tăng Trung M đồng ý để bà Nguyễn Thị Hồng Â nuôi, ông Tăng Trung M không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Hồng Â yêu cầu được ly hôn với ông Tăng Trung M. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Xét thấy bà Nguyễn Thị Hồng Â và ông Tăng Trung M có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228

Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hồng Â và ông Tăng Trung M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Â và ông Tăng Trung M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/10/2007 tại Quyển số 2007, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Hồng Â đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, ông Tăng Trung M không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Ông Tăng Trung M không đồng ý ly hôn nhưng ông Tăng Trung M không có biện pháp gì để hàn gắn cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng Â và ông Tăng Trung M nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Hồng Â và ông Tăng Trung M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Â.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Hồng Â và ông Tăng Trung M có 02 con chung tên Tăng Nguyễn Hào N, sinh ngày 24/9/2008 và Tăng Yến N1, sinh ngày 08/01/2013, hiện 02 con chung đang sống với bà Nguyễn Thị Hồng Â. Khi ly hôn con chung bà Nguyễn Thị Hồng Â yêu cầu nuôi, không yêu cầu ông Tăng Trung M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu Tăng Nguyễn Hào N và Tăng Yến N1 đang sống cùng bà Nguyễn Thị Hồng Â, cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt; Bà Nguyễn Thị Hồng Â hiện tại có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc tốt con chung; Mặt khác, tại các bản tự khai của cháu Nguyễn Hào N và cháu Tăng Yến N1 trình bày ý kiến có nguyện vọng được sống cùng bà Nguyễn Thị Hồng Â; Hơn nữa, ông Tăng Trung M cũng đồng ý để bà Nguyễn Thị Hồng Â nuôi cháu Tăng Nguyễn Hào N và cháu Tăng Yến N1. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Hào N và cháu Tăng Yến N1 cho bà Nguyễn Thị Hồng Â trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Tăng Trung M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị Hồng Â không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Â và ông Tăng Trung M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Â phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng Â được ly hôn với ông Tăng Trung M.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Tăng Nguyễn Hào N, sinh ngày 24/9/2008 và Tăng Yến N1, sinh ngày 08/01/2013 cho bà Nguyễn Thị Hồng Â trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Tăng Trung M không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Nguyễn Thị Hồng Â không yêu cầu.

Ông Tăng Trung M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Â phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003289 ngày 22/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND phường Linh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy